

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307/2017/HSST.

Ngày: 25/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Năng Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quốc Hùng

Bà Nguyễn Thị Phúc

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Ngọc Huyền; chức vụ: Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 266/2017/HSST ngày 25 tháng 7 năm
2017, đối với:

*** Bị cáo Lê MH;** sinh năm 1953; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ...,
thành phố Hà Nội; nơi ở thuê trọ trước khi bị bắt: ..., Hà Nội; nghề nghiệp:
Lao động tự do; dân tộc: Kinh; con ông LMMH và bà LTN (*đều đã chết*); có
chồng là NAD (*sinh năm 1947; ly hôn năm 1996*) và có 02 con (*sinh năm
1977 và năm 1985*); không có tiền án, tiền sự; bị bắt truy nã và tạm giam từ
ngày 08/12/2016; có mặt.

*** Những người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị VV; sinh năm ...; địa chỉ: ..., tỉnh Hưng Yên; có mặt.

2. Ông Hoàng Văn VL; sinh năm ...; địa chỉ: ..., tỉnh Hưng Yên. ***Đại diện theo ủy quyền là anh Hoàng TKK;*** sinh năm ...; địa chỉ tạm trú: ..., Hà Nội; văn bản ủy quyền ngày 10/9/2017; *có mặt.*

NHẬN THẤY

*** Bị cáo Lê MH bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố về các hành vi phạm tội như sau:**

Ngày 02/5/2007, chị Nguyễn Thị VV và ông Hoàng Văn VL gửi đơn (và các tài liệu kèm theo) đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tố cáo Lê MH đã hứa hẹn xin cho chị VV và xin cho con của ông VL (anh Hoàng TK) đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, MH đã nhận tiền nhưng không thực hiện cam kết và bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của chị VV và ông VL. Tại kết luận giám định số 753/PC21 ngày 19/6/2007 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội (*bút lục 46*) kết luận: *Chữ viết và chữ ký của Lê MH trên: Bản cam kết tự nguyện nộp tiền ngày 24/02/2005, Giấy biên nhận các ngày 01/3/2005, 04/3/2005, 20/10/2005 và bản cam đoan ngày 12/12/2005 là do Lê MH ký và viết.*

Kết quả điều tra xác định: Thông qua chị TTO (*địa chỉ: ... Hưng Yên*), Lê MH đã giới thiệu với chị VV: *MH là con dâu của thượng tướng ... đang làm việc ở Bộ Quốc Phòng*; MH giới thiệu với ông VL: *MH đang làm việc ở trại trẻ mồ côi Thanh Lương và là con dâu của thượng tướng ... đang làm việc ở Bộ Quốc Phòng*; MH quen biết với nhiều người có khả năng xin cho người lao động được đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên Bang Đức, chi phí là 13.000 EUR/người, người lao động không phải học tiếng Đức, chỉ cần chuẩn bị lý lịch cá nhân, lý lịch tư pháp, giấy khám sức khỏe, photo chứng minh thư, hộ khẩu và làm hộ chiếu; sau khi nộp hồ sơ và nộp đủ tiền thì trong vòng từ 3 tháng đến 6 tháng, người lao động sẽ được đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên Bang Đức. Lê MH đã chiếm đoạt tài sản như sau:

Chị Nguyễn Thị VV bị chiếm đoạt là 13.000EUR: Chị VV đi cùng chị TTO đến nhà MH (*thuê trọ tại: ..., Hà Nội*) và giao 03 lần tổng cộng là 13.000 EUR để nhờ MH làm thủ tục đi lao động tại Cộng hòa Liên Bang Đức. Mỗi lần nhận tiền, MH đều lập giấy biên nhận; ngày 24/02/2005 (*sau khi nhận đủ 13.000EUR*), MH thu lại các giấy biên nhận tiền trước, lập bản cam kết nộp tiền thay cho giấy biên nhận (*bút lục số 44*) với nội dung: “Tôi

là Nguyễn Thị VV...Sau khi được cán bộ trung tâm tư vấn giải thích rõ ràng về mọi chi tiết và các bước làm thủ tục giới thiệu cho tôi đi làm việc có thời hạn, tôi xin tự nguyện nộp số tiền 13.000 EUR để làm dịch vụ đi lao động tại Đức... ”, có chữ ký xác nhận của MH.

Không thấy MH thực hiện cam kết nên chị VV đòi tiền và ngày 12/12/2005, MH viết giấy cam đoan (*bút lục số 45*) có nội dung: “Tôi cam đoan với gia đình cháu VV... công việc của cháu VV... từ hôm nay đến Tết âm lịch cháu VV... đi hay không tôi sẽ hoàn tất mọi việc cho cháu không để sang năm mới, sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm ”. Sau đó, MH bỏ trốn và chiếm đoạt toàn bộ 13.000 EUR,

Chị Nguyễn Thị VV đề nghị xử lý Lê MH theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường là 13.000EUR, quy đổi tại thời điểm bị chiếm đoạt là 267.298.200đồng (= 20.561,4đồng x 13.000 EUR).

Ông Hoàng Văn VL bị chiếm đoạt là 12.480EUR: Ông VL đã nộp hồ sơ và đưa tiền cho MH để xin cho con trai là Hoàng TK được đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên Bang Đức; cụ thể: Ngày 01/03/2005, ông VL đi cùng chị TTO giao là 10.780EUR (*quy đổi là 225.553.282đồng = 20.923,31đồng x 10.780EUR*); MH nhận tiền và lập giấy biên nhận (*bút lục số 39*) với nội dung: “Lê MH có nhận của anh Hoàng Văn VL - Hưng Yên số tiền 10.780 EUR để lo cho cháu KK đi lao động tại Đức, nếu cháu KK không đi được tôi xin chịu trách nhiệm và hoàn trả lại số tiền trên, có chị TTO chứng kiến”. Ngày 04/03/2005, ông VL giao là 1.700EUR (*quy đổi là 35.569.627đồng = 20.923,31đồng x 1.700EUR*), MH nhận tiền và lập giấy biên nhận (*bút lục 40*) với nội dung: “ Tôi Lê MH có nhận của anh Hoàng Văn VL - Hưng Yên số tiền là 1.700 EUR để làm cho cháu Kiên đi lao động Đức”. Ngoài ra, ông VL khai đưa thêm cho MH 400.000đồng, không có giấy biên nhận; MH xác nhận có nhận thêm tiền của ông VL nhưng không nhớ là bao nhiêu và không lập giấy xác nhận.

Sau nhiều lần hứa hẹn và không thấy MH thực hiện cam kết nên ông VL đã đòi tiền và ngày 20/10/2005, MH viết Giấy biên nhận (*bút lục số 42*) với nội dung: “Tôi có nhận của chú VL số tiền 12.500 EUR, hẹn đến ngày

10/11/2005 sẽ hoàn trả lại chú VL”; sau đó, MH bỏ trốn và chiếm đoạt tài sản của ông VL.

Ông Hoàng Văn VL đề nghị xử lý Lê MH theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường là 12.480 EUR, quy đổi tại thời điểm bị chiếm đoạt là 261.122.909 đồng ($= 20.923,31 \text{ đồng} \times 12.480 \text{ EUR}$).

Sau khi Lê MH bị bắt truy nã ngày 08/12/2016 thì con gái của MH là chị NPD (*địa chỉ: Hà Nội*) giao nộp cho cơ quan điều tra 03 giấy biên nhận tiền giữa MH và Vũ MH (*sinh năm ...; địa chỉ: ..., Hà Nội*) với tổng số tiền là 24.000EUR và 5.000USD, nội dung các giấy biên nhận tiền như sau:

+ Ngày 26/02/2005, tôi Vũ MH có nhận của chị MH - ... 7.500 EUR (*bên dưới có ghi người nhận và ký tên Vũ MH*).

+ Ngày 29/02/2005, tôi Vũ MH số ... Hà Nội có nhận chị MH - ... Hà Nội 4.000 EUR (*bên dưới có ghi người nhận và ký tên Vũ MH*).

+ Hôm nay ngày 14 âm lịch 2005, tôi Vũ MH có nhận của chị MH - ... số tiền 11.000 EUR và 5.000 USD. Bên dưới có ghi: Ngày 07/3/2005 tôi Vũ MH - 10/32 ... có nhận tiền 1.500 EUR (*bên dưới có ghi người nhận và ký tên Vũ MH*).

Tại bản kết luận giám định số 821/C54-P5 ngày 07/3/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (*bút lục 143*) kết luận: chữ ký, chữ viết trên 03 giấy nhận tiền là do Vũ MH ký và viết.

Tại cơ quan điều tra, Lê MH khai nhận: Năm 2004, thông qua mối quan hệ bạn bè nên MH biết Vũ MH (*sinh năm ...; địa chỉ: ... Hà Nội*); Vũ MH giới thiệu có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động, cho MH xem các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài và nếu MH giới thiệu được thì Vũ MH sẽ chi hoa hồng là 500 EUR/người. Vì vậy, khi gặp chị VV và ông VL, MH đã giới thiệu là mình có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động và có nhiều mối quan hệ để họ tin tưởng và giao tiền; ngày 24/02/2005, MH nhận của chị VV là 13.000 EUR; ngày 01 và ngày 04 tháng 3 năm 2005, MH đã nhận của ông VL là 12.480 EUR; ngoài ra, ông VL có đưa thêm tiền nhưng MH không

nhớ và không viết giấy biên nhận. MH đã tiền cho Vũ MH để làm thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Đức. Khi nhận tiền, Vũ MH có viết giấy biên nhận (*vào các ngày 26/02/2005, 29/02/2005, ngày 14 âm lịch 2005 và ngày 07/3/2005*); tổng cộng, MH đã đưa cho Vũ MH là 24.000EUR và 5.000USD (*trong đó, 5.000USD là tiền Vũ MH vay để sửa nhà*). Sau đó, Vũ MH không lo được thủ tục đưa người đi nước ngoài và Vũ MH đã bán nhà, chuyển đi đâu không biết. Vì vậy, MH không thực hiện được cam kết với chị VV và ông VL nên MH đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Khi nhận tiền của ông VL và chị VV, MH nói đã nộp tiền cho Công ty và chờ công ty trả lời; MH không nói đã giao tiền cho Vũ MH nên MH không đưa các bị hại đến gặp Vũ MH để đòi lại số tiền.

Đối với Vũ MH (địa chỉ: Hà Nội): Công an phường ... cung cấp từ năm 2004 đến năm 2010 có người tên Vũ MH tạm trú ở đây; Vũ MH đi đâu làm gì địa phương không biết; Vũ MH có hộ khẩu thường trú tại số ..., Hà Nội.

Công an phường ... cho biết Vũ MH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ...; Vũ MH đã đi khỏi địa phương từ năm 2003; Công an phường không biết Vũ MH đang làm gì, ở đâu; Vũ MH có bố tên Vũ DBB và mẹ tên Phạm TT (*địa chỉ... Nam Định*).

Công an phường ... cho biết Vũ MH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ...Nam Định; từ năm 2007, Vũ MH đã chuyển hộ khẩu lên số ..., Hà Nội; địa chỉ ở đây có bố mẹ Vũ MH sinh sống. Bà Phạm TT (*mẹ của Vũ MH*) cho biết khoảng 02 năm nay Vũ MH không về nhà; gia đình không liên lạc được với Vũ MH.

Mặc dù Lê MH khai đã đưa số tiền nhận của chị VV và ông VL cho Vũ MH (*thể hiện trên 03 giấy biên nhận do Vũ MH viết*); nhưng nội dung các giấy biên nhận chỉ thể hiện là Vũ MH đã nhận của MH là 24.000 EUR và 5.000 USD mà không ghi rõ nhận tiền để làm gì nên chưa đủ căn cứ xác định Vũ MH là đồng phạm với Lê MH; mặt khác, Vũ MH đã bỏ trốn, không xác định được nơi cư trú nên ngày 31/5/2017 (*bút lục số 134*) cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan đến Vũ MH để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với chị TTO (giới thiệu ông VL và chị VV gặp Lê MH): Kết quả điều tra xác định chị TTO có giới thiệu nhưng không biết mục đích MH gian dối để chiếm đoạt tài sản và không hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị TTO.

*** *Tại bản cáo trạng số 211/CT- VKS- P3 ngày 17/7/2017,*** Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Lê MH về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Bị cáo Lê MH thành khẩn khai báo về hành vi gian dối, tự giới thiệu là có khả năng đưa người đi lao động ở nước ngoài rồi chiếm đoạt tiền, không có khả năng trả lại và bỏ trốn; bị cáo xác nhận trách nhiệm bồi thường, xin khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị hại là chị Nguyễn Thị VV và đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn VL (*là anh Hoàng TK*) đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê MH; đề nghị mức bồi thường theo tỷ giá tại thời điểm bị chiếm đoạt, mặc dù biết rõ mức bồi thường theo tỷ giá hiện nay cao hơn; chị Vv yêu cầu bồi thường là 267.298.200đồng, đại diện hợp pháp của ông VL yêu cầu bồi thường là 261.122.909đồng; anh KK xác nhận ông VL đã khai nhận tại cơ quan điều tra là có đưa thêm 400.000đồng cho bị cáo MH nhưng không có giấy tờ chứng minh nên ông VL và anh KK không yêu cầu bồi thường về 400.000đồng này.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê MH từ 12 năm đến 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản tổng cộng là 528.421.109đồng; quyết định về xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo Lê MH tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và người làm chứng; phù hợp các vật chứng đã thu giữ (*là các giấy biên nhận tiền*), các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án - Đủ cơ sở kết luận: Mặc dù không có nhiệm vụ, chức năng về việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng Lê MH tự giới thiệu mình làm việc tại Bộ Quốc phòng, có khả năng xin và làm thủ tục cho người lao động được đi làm việc ở nước ngoài để các bị hại tin tưởng, giao tiền nhờ giúp đỡ; từ ngày 24/02/2005 đến ngày 04/3/2005, tại nơi thuê trọ của mình (*địa chỉ: thành phố Hà Nội*), Lê MH đã nhận 13.000EUR của chị Nguyễn Thị VV (*quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 267.298.200đồng*), nhận của ông Hoàng Văn VL là 12.480EUR (*quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 261.122.909đồng*), hứa hẹn sẽ xin giúp và làm thủ tục đi lao động ở nước ngoài rồi không thực hiện cam kết, bỏ trốn nhằm chiếm đoạt toàn bộ 528.421.109đồng. Hành vi của Lê MH đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự; cáo trạng đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, gây mất trật tự trị an và gây nên sự bất bình, tâm lý hoang mang trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê MH không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” là các tình tiết theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung; tuy nhiên, bị cáo có

hoàn cảnh kinh tế khó khăn và phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường rất lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Vũ MH (nhận của bị cáo MH là 24.000 EUR và 5.000 USD): Do Vũ MH bỏ trốn, không xác định được nơi cư trú và chưa đủ căn cứ xác định là đồng phạm nên ngày 31/5/2017 (*bút lục số 134*), cơ quan điều tra ra Quyết định tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau là có căn cứ; cáo trạng không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Bị cáo Lê MH đã chiếm đoạt là 25.480 EUR, quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 528.421.109đồng; bị cáo chưa khắc phục hậu quả nên phải bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị VV và anh KK đã được giải thích rõ về quyền lợi của các bị hại và tỷ giá quy đổi tại điểm xét xử sơ thẩm (*01 EUR = 26.948,67đồng - Thông báo của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực từ ngày 21/9/2017 đến ngày 27/9/2017*); chị VV và anh KK vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường theo tỷ giá tại thời điểm bị chiếm đoạt mặc dù biết rõ mức bồi thường theo tỷ giá hiện nay sẽ cao hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị VV và anh KK; bị cáo phải bồi thường cho chị VV là 267.298.200đồng và bồi thường cho ông VL là 261.122.909đồng.

Về thi hành án dân sự: Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận: Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ các giấy xác nhận của bị cáo về việc nhận tiền của các bị hại và đã lưu giữ trong hồ sơ vụ án (*từ số 39 đến số 42, số 44 và số 45*); xét thấy các vật chứng này có giá trị chứng

minh tội phạm và giải quyết vụ án nên cần tịch thu, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 76 và Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra đã xử lý các vật chứng khác theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Lê MH phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 25.136.844 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị cáo sinh năm 1953, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì bị cáo được 64 tuổi nên được xác định là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo Lê MH.

Về kháng cáo: Bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê MH phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p (*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*) khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê MH 12 (*mười hai*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2016.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê MH

2. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Buộc bị cáo Lê MH phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 528.421.109đồng cho các bị hại sau đây:

+ Bồi thường cho chị Nguyễn Thị VV là 267.298.200 (*hai trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm*) đồng.

+ Bồi thường cho ông Hoàng Văn VL là 261.122.909 (*hai trăm sáu mươi một triệu, một trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm linh chín*) đồng.

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 76, Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với bản gốc các giấy biên nhận do cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị hại và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án (*các bút lục từ số 39 đến số 42, các số 44 và 45*).

4. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo Lê MH.

5. Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Lê MH và các bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Những người bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Phạm Năng Thành